

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2024/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 01 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;  
Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;  
Căn cứ Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 ngày 4 tháng 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;  
Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;  
Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Trọng Tấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH  
MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ  
NƯỚC THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15 /2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8  
năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định chi tiết khoản 1 Điều 96; khoản 1 Điều 98; khoản 1 Điều 99; khoản 5 Điều 109; khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai; Điều 16; khoản 3 Điều 4; điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 17; điểm c khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 19; điểm b khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 20; khoản 3 Điều 22; khoản 2 Điều 23; điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; Điều 18 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP.

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

**Chương II  
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ  
Mục 1**

**BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT, TÀI SẢN, CHI PHÍ ĐẦU TƯ VÀO ĐẤT CÒN LẠI**

**Điều 3. Tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi để bồi thường cho người có đất thu hồi quy định tại**

**khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai (thực hiện khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)**

1. Tỷ lệ quy đổi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để bồi thường cho người có đất thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai như sau:

$$T \text{ quy đổi} = \frac{G \text{ bồi thường}}{G \text{ thu hồi}}$$

Trong đó:

T quy đổi: là tỷ lệ quy đổi.

G bồi thường: là giá đất của thửa đất để bồi thường bằng mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi theo quy định.

G thu hồi: là giá đất của thửa đất thu hồi theo quy định.

2. Điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để bồi thường cho người có đất thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai như sau:

a) Việc bồi thường bằng việc giao đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi đảm bảo không nhỏ hơn diện tích tối thiểu được tách thửa và không vượt quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với loại đất có quy định hạn mức giao đất). Trường hợp diện tích đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi dự kiến giao nhỏ hơn diện tích đất tối thiểu được tách thửa hoặc lớn hơn hạn mức giao đất (đối với loại đất có quy định hạn mức) theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được bồi thường bằng tiền.

b) Người có đất thu hồi có nhu cầu bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi; trường hợp bồi thường đất quy đổi bằng đất ở thì người có đất thu hồi phải không có đất ở, nhà ở và có tên trong cơ sở dữ liệu về cư trú tại địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi.

c) Tại thời điểm thu hồi đất, trên địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi có quỹ đất đã giải phóng mặt bằng và đã được đầu tư hạ tầng theo quy hoạch chi tiết được duyệt (đối với đất ở) để bồi thường bằng đất có mục đích khác với loại đất thu hồi theo khoản 1 Điều này.

**Điều 4. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh (thực hiện điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)**

1. Đối với đất nông nghiệp: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại được tính bằng 30% giá đất bị thu hồi theo giá đất cụ thể đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi.

2. Đối với đất phi nông nghiệp: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại được tính bằng giá đất trồng cây lâu năm cao nhất trên cùng địa bàn cấp xã (nơi có đất thu hồi) theo giá đất cụ thể đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi.

**Điều 5. Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn (thực hiện điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ)**

1. Đối với đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không:

- Đất ở, các loại đất khác trong cùng thửa với đất ở, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở có đủ điều kiện được bồi thường về đất quy định tại Điều 95 Luật đất đai năm 2024 nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp đến 220 KV thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất thì chủ sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất bằng 70% giá của loại đất bồi thường tương ứng đối với diện tích đất nằm trong hành lang.

- Thửa đất đang có nhà ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở thì được hỗ trợ bằng 30% giá đất bồi thường thu hồi đất ở đối với diện tích đất nằm trong hành lang.

- Đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thì chủ sử dụng đất được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất. Việc hỗ trợ được thực hiện một lần, được tính bằng 30% giá đất thu hồi đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, tính trên diện tích đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không.

2. Đối với các trường hợp không thuộc khoản 1 Điều này, tùy mức độ ảnh hưởng và tính chất của công trình, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

**Điều 6. Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không (thực hiện Điều 18 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP)**

Việc bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không theo quy định của pháp luật điện lực được thực hiện một lần như sau:

1. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không. Mức bồi thường, hỗ trợ được tính bằng 70% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì được hỗ trợ bằng 30% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

## **Mục 2** **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Điều 7. Hỗ trợ ổn định đời sống** (thực hiện khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất nhưng phải từ 50 m<sup>2</sup> trở lên thì được hỗ trợ trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 06 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 12 tháng.

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

**Điều 8. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất** (thực hiện điểm b khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)

1. Mức hỗ trợ ổn định sản xuất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ được tính bằng tiền với mức là 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó (trường hợp hoạt động dưới 03 năm thì tính theo bình quân thu nhập của các năm đã hoạt động). Thu nhập sau thuế được xác định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Thời gian hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ là 06 tháng.

3. Việc hỗ trợ ổn định sản xuất và đời sống theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP như sau:

a) Đối với đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản hỗ trợ bằng 3.000 đồng/m<sup>2</sup> theo diện tích thực tế thu hồi;

b) Đối với đất rừng sản xuất hỗ trợ 2.000 đồng/m<sup>2</sup> theo diện tích thực tế thu hồi.

**Điều 9. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (thực hiện khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai 2024 và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)**

1. Đối với đất trồng lúa nước: Hỗ trợ 03 lần giá đất trồng lúa trong Bảng giá đất của tỉnh.

2. Đối với các loại đất nông nghiệp còn lại: Hỗ trợ 02 lần giá đất trong Bảng giá đất của tỉnh.

**Điều 10. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai 2024 mà có nhu cầu tự lo chỗ ở (thực hiện khoản 2 Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)**

1. Đối với địa bàn thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ, các thị trấn thuộc các huyện và xã Tân Phú, huyện Tân Sơn: mức hỗ trợ là 1.500.000 đồng/m<sup>2</sup> tính theo diện tích đất ở bị thu hồi.

2. Đối với địa bàn các xã còn lại thuộc các huyện: mức hỗ trợ là 1.200.000 đồng/m<sup>2</sup> tính theo diện tích đất ở bị thu hồi.

3. Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi nhỏ hơn suất tái định cư tối thiểu thì tính hỗ trợ theo diện tích của 01 suất tái định cư tối thiểu tại khu vực thu hồi.

4. Tổng diện tích được hỗ trợ cho các trường hợp nêu trên không vượt quá hạn mức giao đất ở tại khu vực thu hồi theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 11. Hỗ trợ trong trường hợp hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở bị thu hồi (thực hiện khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai 2024)**

1. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú thì được xem xét hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình còn thiếu tại khu tái định cư. Diện tích giao đất ở cho mỗi hộ gia đình trong trường hợp này do Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

2. Trường hợp có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở bị thu hồi thì được xem xét hỗ trợ để giao thêm 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư. Diện tích giao đất ở trong trường hợp này do Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

**Điều 12. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; thường đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn trong trường hợp thu hồi đất ở (Thực hiện khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai)**

1. Hộ gia đình, cá nhân có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì trong thời gian chờ bố trí tái định cư được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian 06 tháng kể từ ngày phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt. Việc hỗ trợ tính theo số nhân khẩu có tên trong cơ sở dữ liệu về cư trú tại thời điểm thu hồi đất của hộ đó, mức hỗ trợ như sau:

- a) Đối với đất ở tại nông thôn: 600.000 đồng/khẩu/tháng;
- b) Đối với đất ở tại đô thị: 800.000 đồng/khẩu/tháng.

2. Thường đối với hộ gia đình, cá nhân nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt và bàn giao mặt bằng trước thời hạn tại thực địa cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai 2024 như sau:

Mức thưởng 60.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với đất ở, trường hợp phải di chuyển nhà ở trên diện tích đất ở hợp pháp thì được thưởng thêm 6.000.000 đồng/hộ.

**Điều 13. Suất tái định cư tối thiểu (Thực hiện điểm c khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)**

1. Suất tái định cư tối thiểu quy định bằng đất ở là 60 m<sup>2</sup> đối với các phường, thị trấn; 80 m<sup>2</sup> đối với các xã.

2. Suất tái định cư tối thiểu quy định bằng nhà ở là 60 m<sup>2</sup> đối với các phường, thị trấn; 80m<sup>2</sup> đối với các xã.

3. Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền thì được xác định như sau:

- Đối với đất ở được xác định theo giá trị một suất tái định cư tối thiểu tại nơi bố trí tái định cư.

- Đối với nhà ở được xác định theo giá trị một suất tái định cư tối thiểu bằng nhà ở tại bố trí tái định cư.

**Điều 14. Hỗ trợ người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà (Thực hiện khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP)**

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà thì được hỗ trợ thuê nhà ở tại nơi tái định cư; giá thuê nhà là giá thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; nhà thuê tại nơi tái định cư được Nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở; trường hợp người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước không có nhu cầu thuê nhà thì được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở mới. Việc hỗ trợ tính theo số nhân khẩu có tên trong cơ sở dữ liệu



về cư trú tại thời điểm thu hồi đất của hộ đó, thời gian hỗ trợ là 06 tháng với mức hỗ trợ như sau:

- a) Đối với nhà ở tại nông thôn: 600.000 đồng/khẩu/tháng;
- b) Đối với nhà ở tại đô thị: 800.000 đồng/khẩu/tháng.

### **Điều 15. Hỗ trợ khác**

1. Đối với diện tích thu hồi không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì hỗ trợ bằng 30% giá đất bị thu hồi trong Bảng giá đất của tỉnh.

2. Đối với diện tích thu hồi nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì hỗ trợ bằng 30% giá đất bị thu hồi trong Bảng giá đất của tỉnh.

3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở mà không còn chỗ ở khác được bố trí tái định cư (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 và Điều 15 Quy định này) thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian 6 tháng kể từ ngày phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt. Việc hỗ trợ tính theo số nhân khẩu có tên trong cơ sở dữ liệu về cư trú tại thời điểm thu hồi đất của hộ đó, mức hỗ trợ như sau:

- a) Đối với đất ở tại nông thôn: 600.000 đồng/khẩu/tháng;
- b) Đối với đất ở tại đô thị: 800.000 đồng/khẩu/tháng.

4. Hỗ trợ đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng tại thực địa cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các loại đất khác không thuộc Điều 13 Quy định này.

Trường hợp người có đất thu hồi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được duyệt và bàn giao mặt bằng tại thực địa cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai thì được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 10.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm và đất rừng sản xuất;

- Hỗ trợ 5.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với các hộ gia đình, cá nhân có hợp đồng nhận khoán đất rừng sản xuất, đất trồng cây lâu năm của các công ty nông, lâm nghiệp, nhận khoán thầu đất công ích của Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Hỗ trợ thiệt hại về tài sản trong trường hợp không được bồi thường theo quy định của Luật Đất đai nhưng được tạo lập trước ngày 01/7/2014, cụ thể như sau:

a) Đối với nhà, công trình xây dựng trên đất nông nghiệp cùng với thửa đất ở thì được hỗ trợ bằng 100% đơn giá bồi thường vật kiến trúc theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

b) Đối với nhà, công trình xây dựng trên đất của hộ gia đình, cá nhân làm kinh tế trang trại đảm bảo tiêu chí theo quy định mà không đủ điều kiện bồi thường về tài sản thì được hỗ trợ 80% đơn giá bồi thường vật kiến trúc theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm quyết định thu hồi đất;

c) Đối với nhà, công trình xây dựng trên đất nông nghiệp không cùng với thửa đất ở, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở thì được hỗ trợ 50% đơn giá bồi thường vật kiến trúc theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

d) Đối với nhà, công trình xây dựng được tạo lập kể từ ngày 01/7/2014 thì không được hỗ trợ.

6. Đối với hộ nghèo khi bị thu hồi đất được hỗ trợ như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện hộ nghèo đủ điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ thêm bằng tiền trong thời gian 03 năm theo số nhân khẩu trong hộ gia đình theo quy định của pháp luật về cư trú như sau:

- Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ 2.500.000 đồng/khẩu/năm;

- Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ 3.500.000 đồng/khẩu/năm.

b) Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện hộ nghèo tại thời điểm bị thu hồi đất ở được hỗ trợ trong thời gian 3 năm theo số nhân khẩu trong hộ gia đình theo quy định của pháp luật về cư trú như sau:

*DVT: đồng/khẩu/3năm*

<b>STT</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Khu vực nông thôn</b>	<b>Khu vực đô thị</b>
1	Diện tích đất ở bị thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất ở đang sử dụng	3.000.000	4.000.000
2	Diện tích đất ở bị thu hồi trên 70% diện tích đất ở đang sử dụng	4.000.000	5.000.000

c) Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện hộ nghèo trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất ở và đất nông nghiệp đang sử dụng bị thu hồi chỉ được áp dụng một hình thức hỗ trợ đối với hộ nghèo ở mức cao nhất.

Diện tích đất tính hỗ trợ hộ nghèo theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều này được xác định theo từng dự án phải thu hồi đất, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp, đất ở đã thu hồi của các dự án thu hồi đất trước đó.

7. Trường hợp người đang sử dụng đất nuôi trồng thủy sản được hình thành do đào (đắp) ao được cơ quan nhà nước cho phép, khi Nhà nước thu hồi đất thì ngoài việc được bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định còn được hỗ trợ chi phí đào (đắp) ao như sau:

a) Trường hợp có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP;

b) Trường hợp không thuộc điểm a khoản này thì được hỗ trợ chi phí đào (đắp) tính bằng tiền bằng 30% giá đất của thửa đất bị thu hồi theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi.

8. Hỗ trợ đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân thuê đất công ích của Ủy ban nhân dân cấp xã khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ bằng 30% giá đất bị thu hồi theo Bảng giá đất của tỉnh.

### **Chương III** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện các nội dung liên quan tại Quy định này; đề xuất giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn theo quy định của Luật Đất đai và Quy định này; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

#### **Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì tiếp tục thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.